

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2023/DS-ST
Ngày 03 tháng 8 năm 2023
V/v “Tranh chấp Hợp đồng
mua bán tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Xuân Bích

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lương Văn Cầu

2. Bà Trần Thị Quế Minh

Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hồng Cẩm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Quang – Kiểm sát viên

Ngày 03 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 156/2022/TLST-DS ngày 24/10/2022 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 147/2022/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 123/2023/QĐST-DS ngày 13/7/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lê Mạnh K, sinh năm 1988.

Địa chỉ: ấp E, xã T, huyện L, tỉnh An Giang. Hiện ngụ: khóm E, phường I, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1993. Cư trú: ấp C, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre (Vắng mặt - có đơn xin vắng mặt)

- Bị đơn: Ông Phạm Hữu P, sinh năm 1990.

Địa chỉ: ấp P, xã B, huyện C, tỉnh An Giang (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện đề ngày 17 tháng 05 năm 2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Lê Mạnh K do ông Nguyễn Thanh H đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Ngày 25/9/2018, ông K có bán thuốc bảo vệ thực vật cho ông P, hai bên có thỏa thuận miệng trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ông P nhận được hàng sẽ trả tiền cho ông K.

Ông K có gửi cho ông P tổng cộng 05 lần hàng như sau:

- Ngày 25/9/2018, ông K gửi 04 thùng hàng với số tiền 20.080.000 đồng, tiền chênh là 100.000 đồng, ông P có ký ghi họ tên nhận hàng.

- Ngày 29/9/2018, ông K gửi 04 thùng hàng với số tiền là 24.480.000 đồng, tiền chênh là 80.000 đồng; ông P có ký ghi họ tên nhận hàng

- Ngày 02/10/2018, ông K gửi 12 thùng hàng với số tiền là 70.240.000 đồng, tiền chênh là 240.000 đồng; ông P có ký ghi họ tên nhận hàng

- Ngày 08/10/2018, ông K gửi 19 thùng hàng với số tiền là 112.280.000 đồng, tiền chênh là 475.000 đồng; ông P có ký ghi họ tên nhận hàng

- Ngày 15/10/2018, ông K gửi 05 thùng hàng với số tiền là 28.500.000 đồng. Khi ông P nhận hàng thì có trả lại cho ông K 03 thùng hàng với số tiền là 17.000.000 đồng. Tiền chênh đi về là 520.000 đồng. Hai bên ngồi lại và tính tổng số tiền ông P còn nợ ông K là 239.895.000 đồng (Hai trăm ba mươi chín triệu, tám trăm chín mươi lăm nghìn đồng). Sau đó ông P không thực hiện nghĩa vụ trả số nợ trên nên ngày 28/12/2018 ông K có đến gặp trực tiếp ông P để đòi khoản nợ trên. Ông P có hứa sẽ trả cho ông K mỗi tuần là 30.000.000 đồng, bắt đầu từ ngày 28/12/2018. Tuy nhiên, từ đó đến nay ông P không trả cho ông K khoản tiền nào như đã thỏa thuận. Ông K đã nhiều lần yêu cầu ông P trả nhưng ông P cứ hẹn lần này đến lần khác mà không chịu trả.

Nay ông Lê Mạnh K khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Phạm Hữu P trả cho ông K số tiền 239.895.000 đồng và tiền lãi chậm trả với mức lãi suất là 0,83%/tháng tạm tính từ ngày 29/12/2018 đến khi Tòa án xét xử.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Phạm Hữu P mặc dù được tổng đạt trực tiếp và niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Mạnh K. Tại phiên tòa được mở lần thứ hai hôm nay, ông P tiếp tục vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, là đảm bảo theo đúng trình tự quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng ông Phạm Hữu P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt là vi phạm quyền, nghĩa vụ của người tham gia tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: ông Lê Mạnh K khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Phạm Hữu P trả cho ông K số tiền 239.895.000 đồng và tiền lãi chậm trả với mức lãi suất là 0,83%/tháng tạm tính từ ngày 29/12/2018 đến khi Tòa án xét xử nên căn cứ vào chứng cứ nguyên đơn cung cấp là Chứng cứ chứng minh cho

yêu cầu khởi kiện của ông P là bản chính biên bản giao nhận hàng hóa các ngày 25/9/2018, ngày 29/9/2018, ngày 02/10/2018, 08/10/2018, ngày 15/10/2018 và ngày 28/12/2018, nhận thấy yêu cầu này có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Phạm Hữu P trả số tiền mua hàng còn nợ là 239.895.000 đồng và tính lãi theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Lê Mạnh K khởi kiện ông Phạm Hữu P về tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản. Ông Phạm Hữu P cư ngụ tại ấp P, xã B, huyện C, tỉnh An Giang, nên Tòa án nhân dân huyện Châu Thành thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thủ tục ủy quyền: Nguyên đơn ông Lê Mạnh K ủy quyền cho ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1993; Cư trú: ấp C, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre. Theo giấy ủy quyền ngày 17/5/2021, được công chứng tại Văn phòng C cùng ngày. Xét, việc công chứng là hợp lệ nên chấp nhận.

[1.3] Về sự vắng mặt của đương sự: Ông Nguyễn Thanh H có đơn ngày 25/7/2023 xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa ngày 03/8/2023. Bị đơn ông Phạm Hữu P vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nhưng Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng cho ông P được thể hiện trong hồ sơ vụ án.

Căn cứ điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 có quy định *“Trường hợp trong đơn khởi kiện, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng họ không có nơi cư trú ổn định, thường xuyên thay đổi nơi cư trú, trụ sở mà không thông báo địa chỉ mới cho cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về cư trú làm cho người khởi kiện không biết được nhằm mục đích che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ đối với người khởi kiện thì Thẩm phán không trả lại đơn khởi kiện mà xác định người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có tình giấu địa chỉ và tiến hành thụ lý, giải quyết theo thủ tục chung.”* Qua việc xác minh nơi cư trú của ông Phạm Hữu P cho thấy ông vẫn còn hộ khẩu ở địa phương do đó Tòa án niêm yết theo quy định.

Căn cứ Điều 2, Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 5 năm 2017; khoản 5 Điều 177, Điều 179, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; điểm b, khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn ông Lê Mạnh K do ông Nguyễn Thanh H đại diện theo ủy quyền và bị đơn ông Phạm Hữu P.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Ông Lê Mạnh K khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Phạm Hữu P trả cho ông số tiền 239.895.000 đồng và tiền lãi chậm trả với mức lãi suất là 0,83%/tháng tạm tính từ ngày 29/12/2018, cho đến khi xét xử.

Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của ông P là bản chính biên bản giao nhận hàng hóa các ngày 25/9/2018, ngày 29/9/2018, ngày 02/10/2018, 08/10/2018, ngày 15/10/2018 và ngày 28/12/2018.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Lê Mạnh K và chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện: Hội đồng xét xử xét thấy, theo biên bản giao nhận các ngày 25/9/2018, ngày 29/9/2018, ngày 02/10/2018, ngày 08/10/2018, ngày 15/10/2018 và ngày 28/12/2018 thể hiện:

- Ngày 25/9/2018, ông K gửi 04 thùng hàng với số tiền 20.080.000 đồng, tiền chênh là 100.000 đồng, ông P có tên và ghi họ tên nhận hàng

- Ngày 29/9/2018, ông K gửi 04 thùng hàng với số tiền là 24.480.000 đồng, tiền chênh là 80.000 đồng, ông P có tên và ghi họ tên nhận hàng

- Ngày 02/10/2018, ông K gửi 12 thùng hàng với số tiền là 70.240.000 đồng, tiền chênh là 240.000 đồng, ông P có tên và ghi họ tên nhận hàng.

- Ngày 08/10/2018, ông K gửi 19 thùng hàng với số tiền là 112.280.000 đồng, tiền chênh là 475.000 đồng, ông P có tên và ghi họ tên nhận hàng.

- Ngày 15/10/2018, ông K gửi 05 thùng hàng với số tiền là 28.500.000 đồng. Khi ông P nhận hàng thì có trả lại cho ông K 03 thùng hàng với số tiền là 17.000.000 đồng. Tiền chênh đi về là 520.000 đồng, ông P có ký tên và ghi họ tên nhận hàng và chốt lại số tiền còn nợ là 239.895.000 đồng.

Tiếp đó có ghi “Bắt đầu từ 28/12/2018, mỗi tuần thanh toán 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng)”, phía dưới dòng chữ có ký và ghi họ tên Phạm Hữu P.

Xét, giao dịch dân sự giữa ông Lê Mạnh K và ông Phạm Hữu P xác lập trên cơ sở tự nguyện, nội dung và hình thức giao dịch không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp quy định tại các Điều 116, 117, 118, 119 và Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015, nên làm phát sinh quyền, nghĩa vụ dân sự giữa các bên.

Quá trình thực hiện thủ tục tố tụng, mặc dù được tổng đạt trực tiếp, niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng ông Phạm Hữu P vắng mặt không có lý do, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải, không có văn bản trình bày ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ đối với yêu cầu khởi kiện của ông K theo Quyết định của Tòa án về việc yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ và Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ của Tòa án để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của ông P trong vụ án này. Tại phiên tòa được mở xét xử lần thứ hai, ông P tiếp tục vắng mặt là ông đã từ bỏ quyền, nghĩa vụ của bị đơn được quy định tại khoản 5 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

Qua lời trình bày của đương sự, xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ. Xét thấy, ông P vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án tiến hành các thủ tục tố tụng, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông P, cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ theo các Quyết định, Thông báo của Tòa án như nêu trên để phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định, những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh: “Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản

đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”.

Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ các biên bản giao nhận hàng biên bản giao nhận ngày 25/9/2018, ngày 29/9/2018, ngày 02/10/2018, 08/10/2018, ngày 15/10/2018 và ngày 28/12/2018 để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Mạnh K buộc ông Phạm Hữu P trả ông Lê Mạnh K số tiền còn nợ 239.895.000 đồng (Hai trăm ba mươi chín triệu, tám trăm chín mươi lăm nghìn đồng).

[2.3] Về lãi suất: Xét, do vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ông Lê Mạnh K yêu cầu ông Phạm Hữu P phải chịu lãi suất tức 0,83%/tháng (tức 10%/năm) đối với số tiền chậm trả đã được hai bên ký kết kể từ ngày 28/12/2018 cho đến nay. Theo Điều 357 Bộ luật dân sự 2015 quy định trách nhiệm chậm trả nợ như sau: “Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả; Ngoài ra, lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này”. Như vậy, phía nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất như trên là phù hợp theo quy định pháp luật nên được chấp nhận và được tính toán cụ thể như sau:

Vốn gốc tổng cộng là 239.895.000 đồng tính từ ngày 29/12/2018 đến ngày 3/8/2023 là 55 tháng 5 ngày, lãi suất 0,83%/tháng:

$239.895.000 \text{ đồng} \times 0,83\% / \text{tháng} \times 55 \text{ tháng} 5 \text{ ngày} = 109.843.855 \text{ đồng}$

Tổng cộng, vốn lãi: $239.895.000 \text{ đồng} + 109.843.855 = 349.738.855 \text{ đ}$ (Ba trăm bốn mươi chín triệu, bảy trăm ba mươi tám nghìn, tám trăm năm mươi lăm đồng)

Như vậy, tổng tiền vốn và lãi ông Phạm Hữu P phải thông toán cho ông Lê Mạnh K là 349.738.855đ đồng (Ba trăm bốn mươi chín triệu, bảy trăm ba mươi tám nghìn, tám trăm năm mươi lăm đồng); trong đó tiền vốn 239.895.000đồng, lãi 109.843.855đồng.

[3] Về án phí dân sự: Ông Phạm Hữu P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Ông Lê Mạnh K được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 357, 463, 466, 468, 469 Bộ luật Dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Mạnh K đối với ông Phạm Hữu P.

Buộc ông Phạm Hữu P phải có trách nhiệm trả cho ông Lê Mạnh K số tiền 349.738.855đồng (Ba trăm bốn mươi chín triệu, bảy trăm ba mươi tám nghìn, tám trăm năm mươi lăm đồng); trong đó (tiền vốn 239.895.000đồng, lãi 109.843.855đồng).

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn ông Lê Mạnh K được nhận lại số tiền 5.997.000đồng (Năm triệu, chín trăm chín mươi bảy nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0003898 ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

Bị đơn ông Phạm Hữu P phải chịu 17.486.943đồng (Mười bảy triệu, bốn trăm tám mươi sáu nghìn, chín trăm bốn mươi ba đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn ông Lê Mạnh K do ông Nguyễn Thanh H đại diện theo ủy quyền, bị đơn ông Phạm Hữu P được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7; Điều 7a; Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

(Đã giải thích Điều 26 Luật thi hành án)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND H. Châu Thành;
- TAND tỉnh An Giang;
- THADS H. Châu Thành;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP.

Trần Thị Xuân Bích

